

Tác động của thâm hụt ngân sách đến tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng ở các nước Đông Nam Á

ĐẶNG VĂN CƯỜNG

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

PHẠM LÊ TRÚC QUỲNH

Phòng Tài chính quận Bình Tân

Nghiên cứu phân tích tác động của thâm hụt ngân sách đến tăng trưởng kinh tế tại một số nước Đông Nam Á bên cạnh các yếu tố về lạm phát, đầu tư nước ngoài và tín dụng nội địa khu vực tư. Để đánh giá hệ số hồi quy của các biến trong mô hình, tác giả sử dụng mô hình hiệu ứng cố định cho dữ liệu bảng trong khoảng thời gian từ 2001-2013. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính vững cho các ước lượng, phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát (GLS) cũng được sử dụng trong các kết quả ước lượng. Kết quả thực nghiệm cho thấy thâm hụt ngân sách, tín dụng khu vực tư tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, đầu tư nước ngoài tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, còn lạm phát thì không có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: *Thâm hụt ngân sách, tăng trưởng kinh tế, FEM, REM, GLS.*

1. Giới thiệu

Ngân sách nhà nước là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của nhà nước và là công cụ vật chất quan trọng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội. Ngân sách có thể thâm hụt hoặc thặng dư. Thâm hụt ngân sách nhà nước đã trở thành hiện tượng phổ biến ở hầu hết các nước bao gồm các quốc gia đang phát triển và quốc gia phát triển. Tác động của thâm hụt ngân sách lên các biến kinh tế vĩ mô luôn là một chủ đề gây tranh luận trong nhiều thập kỷ qua và chiếm một vị trí nổi bật trong các nghiên cứu của các học giả trên thế giới. Có nhiều quan điểm khác nhau giữa các nhà kinh tế về mối quan hệ này. Một số ủng hộ thâm hụt ngân sách và nghĩ rằng nó có lợi cho tăng trưởng

kinh tế, trong khi đó một số khác nghĩ rằng thặng dư ngân sách là một điều may mắn cho nền kinh tế. Trên lý thuyết người ta đề cập rằng thâm hụt ngân sách có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến nền kinh tế tùy theo tỷ lệ thâm hụt và xét trong ngắn hạn hay dài hạn. Nghiên cứu của Ahmad (2013) về vai trò của thâm hụt ngân sách đối với tăng trưởng kinh tế ở Pakistan cho thấy thâm hụt có tác động tích cực đối với tăng trưởng kinh tế. Okelo (2013) cũng cho thấy thâm hụt ngân sách có thể giúp tăng trưởng kinh tế vì nó giúp làm tăng hiệu quả tái cấu trúc, giáo dục, phúc lợi xã hội.

Bose & cộng sự (2007) cũng cho rằng khi khoản thâm hụt này giúp giải quyết vấn đề giáo dục,

sức khỏe và chi phí vay vốn thấp thì sẽ thúc đẩy tăng trưởng. Nhưng nếu khoản thâm hụt này là lớn và kéo dài thì sẽ giảm đầu tư hay dễ xảy ra tình trạng thâm hụt kép (vừa bị thâm hụt ngân sách vừa bị thâm hụt tài khoản vãng lai). Bên cạnh đó, nghiên cứu của Cinar & cộng sự (2014) và Huynh (2007) đã phát hiện ra mối quan hệ này là tiêu cực. Shojai (1999) thì cho rằng thâm hụt ngân sách nếu được tài trợ bởi ngân hàng trung ương thì có thể dẫn đến sự kém hiệu quả trong thị trường tài chính và làm suy yếu khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Các quốc gia Đông Nam Á từ lâu được biết đến với tình trạng thâm hụt ngân sách lớn và kéo dài. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia này vẫn được

đánh giá cao trong thời gian qua. Vì vậy, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng dữ liệu giai đoạn 2001-2013 của các quốc gia Đông Nam Á nhằm xác nhận lại mối quan hệ giữa thâm hụt và tăng trưởng tại các quốc gia này.

2. Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế

Các nghiên cứu trước đây về tác động của thâm hụt ngân sách lên tăng trưởng kinh tế đã cho ra các kết quả còn gây nhiều tranh cãi, tích cực có, tiêu cực có và kể cả trung lập cũng xuất hiện. Mặt khác, kết quả của các nghiên cứu này còn phụ thuộc vào phạm vi nghiên cứu cũng như là thời gian khảo sát.

Bose (2007) nghiên cứu chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế, thực hiện phân tích riêng lẻ đối với các quốc gia đang phát triển đã tìm thấy mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế là cùng chiều. Tuy nhiên, Ramzan & cộng sự (2013) nghiên cứu mối quan hệ thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế Pakistan. Tác giả sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian trong giai đoạn 1980-2010 và phát hiện tồn tại mối quan hệ tuyến tính giữa GDP và thâm hụt ngân sách. Ngoài ra, Ahmad (2013) đã khảo sát mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Pakistan và kết luận rằng có tích cực nhưng vẫn không đáng kể.

Risti & cộng sự (2013) cũng xem xét ảnh hưởng của thâm hụt ngân sách lên tăng trưởng kinh tế ở Romania, sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian từ 2000-2010 nhận được kết quả hai biến này có mối quan hệ cùng chiều, tuy nhiên nếu mức thâm hụt ngân sách này vượt 3% thì điều này mới xảy ra, còn nếu dưới 1.5% thì lại là trung lập,

không ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế. Odhiambo et.al (2013) tìm hiểu mối quan hệ giữa thâm hụt tài chính và tăng trưởng kinh tế ở Kenya. Nghiên cứu kết luận thâm hụt tài chính có thể giúp tăng trưởng kinh tế vì nó giúp làm tăng hiệu quả tái cấu trúc nền kinh tế, cải thiện chất lượng giáo dục, và tăng phúc lợi xã hội.

Al-Kheddar (1996) thâm hụt ngân sách làm cho lãi suất tăng trong ngắn hạn, nhưng trong dài hạn lại không bị ảnh hưởng. Ông đã nghiên cứu sử dụng mô hình VAR bằng dữ liệu thu thập của các nước G7 trong khoảng thời gian 1964-1993. Ông cũng phát hiện ra sự thâm hụt ảnh hưởng tiêu cực đến cán cân thương mại. Tuy nhiên, thâm hụt ngân sách lại có ảnh hưởng mạnh và tích cực trong tăng trưởng kinh tế của quốc gia.

Ở khía cạnh khác, nghiên cứu của Qureshi & Ali (2010) xem xét mối quan hệ nợ công và tăng trưởng kinh tế ở Pakistan. Họ đã sử dụng phương pháp ước lượng OLS cho mô hình có dữ liệu chuỗi thời gian trong giai đoạn 1981-2008. Kết quả cho thấy tồn tại mối quan hệ ngược chiều giữa nợ công và tăng trưởng. Tương tự, Fatima et.al (2012) sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian trong giai đoạn 1978-2009 xem xét những ảnh hưởng logic của thâm hụt ngân sách lên tăng trưởng kinh tế ở Pakistan thì tìm thấy bằng chứng mối quan hệ nghịch của hai biến này.

Cinar & cộng sự (2014) xem xét vai trò của chính sách thâm hụt ngân sách đối với tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu khảo sát tại hai nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển. Kết quả cho rằng trong ngắn hạn thâm hụt tác động ngược chiều với tăng trưởng kinh tế ở cả

hai nhóm quốc gia này. Tuy nhiên đối với các năm quốc gia đứng đầu (Luxembourg, Ireland, Slovakia, Slovenia, Finland) thì tác động này có ý nghĩa thống kê, còn năm quốc gia đứng chót (Austria, Belgium, Italy, Portugal, Greece) thì không có ý nghĩa thống kê. Trong khi đó, trong dài hạn thì không tồn tại mối quan hệ giữa thâm hụt và tăng trưởng cho cả hai nhóm này.

Huynh (2007) tiến hành nghiên cứu của mình khi thu thập dữ liệu từ các nước đang phát triển ở Đông Nam Á trong khoảng 1990-2006. Ông kết luận thâm hụt ngân sách có tác động tiêu cực đến tăng trưởng GDP của các quốc gia. Ngoài ra, ông cũng phát hiện tác động chèn lấn do gánh nặng thâm hụt ngân sách gia tăng làm giảm đầu tư khu vực tư nhân.

Kết quả thực nghiệm cho thấy tác động của thâm hụt ngân sách đến tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố về mặt không gian, thời gian và cá yếu tố vĩ mô khác. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm về sự tác động này với các phương pháp ước lượng dữ liệu bảng đáng tin cậy và các biến kiểm soát vĩ mô tại các quốc gia Đông Nam Á.

3. Mô hình và dữ liệu nghiên cứu

Mục tiêu của bài chính là tìm hiểu tác động của thâm hụt ngân sách lên tăng trưởng kinh tế đối với khu vực Đông Nam Á với các biến kiểm soát về lạm phát, đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước. Mô hình thực nghiệm có dạng:

$$GDP_{it} = \alpha_1 + \beta_{11}Bd + \beta_{21}Inf + \beta_{31}Inv + \beta_{41}Dc + \varepsilon_{it}$$

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng trong khoảng thời

Bảng 1: Giải thích biến và kỳ vọng đầu

	Ý nghĩa của biến	Đơn vị	Kỳ vọng đầu
i	Quốc gia tương ứng $i=1,2,...,N$		
t	Thời gian tương ứng $t=1,2,...,T$		
GDP	Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm trên vốn dựa trên đô la Mỹ. GDP trên vốn là tổng sản phẩm quốc nội được lấy từ số liệu giữa năm.	%	
BD	Thâm hụt ngân sách, nghĩa là tình huống tài chính xảy ra khi tiền ra lớn hơn tiền vào, thường được sử dụng để nói về chi tiêu chính phủ hơn là chi tiêu cá nhân hay kinh doanh, tức là chênh lệch giữa chi tiêu ngân sách và thu nhân sách trong trường hợp chi lớn hơn thu.	%GDP	-
INF	Lạm phát sử dụng mức giá tiêu dùng phản ánh sự thay đổi phần trăm hàng năm trong chi phí trung bình của người tiêu dùng cho một giỏ hàng hóa và dịch vụ mà cố định hoặc thay đổi theo một xu hướng, ví như là hàng năm.	%GDP	+
INV	Dòng vốn đầu tư dòng vào ròng từ nước ngoài. Là tổng vốn thanh khoản, thu nhập từ việc tái đầu tư, vốn dài hạn khác, và vốn ngắn hạn được đưa ra trong cân bằng các khoản chi trả.	%GDP	+
DC	Tín dụng nội địa khu vực tư liên quan đến những nguồn tài chính được cung cấp từ khu vực tư, như là thông qua những khoản nợ, chi trả cho những chứng khoán không thanh khoản, và tín dụng thương mại... mà hình thành nên khoản chi trả.	%GDP	-
ε_{it}	Những ảnh hưởng từ các cú sốc không mong muốn đến GDP		

*Ghi chú: Dấu "+" là kỳ vọng mối quan hệ đó là tích cực (cùng chiều), dấu "-" là kỳ vọng mối quan hệ đó là tiêu cực (ngược chiều)

Bảng 2: Thống kê dữ liệu trong mô hình

	GDP	BD	INF	INV	DC
Trung bình	5,047	0,832	4,183	5,090	65,753
Trung vị	5,410	-0,764	3,105	3,389	48,637
Lớn nhất	15,240	40,003	24,997	26,521	154,408
Nhỏ nhất	-2,330	-6,803	-2,288	-1,856	5,994
Độ lệch chuẩn	3,121	7,195	4,399	5,576	40,490
Số quốc gia	8	8	8	8	8
Số quan sát	104	104	104	104	104

Nguồn: Tính toán của tác giả

gian từ 2001-2013, của một số nước Đông Nam Á: Brunei, Indonesia, Cambodia, Malaysia, Phillipines, Singapore, Thailand, Vietnam. Trong đó số liệu của biến GDP, INV và DC được lấy từ Worldbank (Ngân hàng Thế giới) còn biến BD và INF được

lấy từ IMF WEO (International Monetary Fund - World Economic Outlook - Quỹ tiền tệ quốc tế - Tổng quan kinh tế thế giới).

Biến GDP cho thấy các quốc gia Đông Nam Á trong bài nghiên cứu có tốc độ tăng trưởng khá tốt trong giai đoạn khảo sát khi mà

giá trị trung bình là 5% GDP. Tuy nhiên, mức độ chênh lệch giữa các quốc gia cũng như giai đoạn khảo sát là lớn khi mà giá trị cao nhất đạt tới 15,2% GDP trong khi đó vẫn có một số các quốc gia chỉ đạt -2,3% GDP.

Biến số thâm hụt ngân sách cho thấy giá trị nhỏ nhất là -6,8% GDP nhưng bởi vì thâm hụt ngân sách là vốn chênh lệch thu chi âm (chi lớn hơn thu), nên dấu âm trong bảng là đại diện cho "thâm hụt ngân sách" nên có thể nói dù -6,8% GDP nằm ở giá trị nhỏ nhất, nhưng nó mới chính là lượng thâm hụt nhiều nhất trong số các quốc gia ở khu vực. Nhìn chung các quốc gia không có mức thâm hụt không cao vì dù nhỏ nhưng trung bình chênh lệch thu chi này là số dương 0,8%, mức thặng dư khá cao, cao nhất là 40 % GDP. Độ lệch chuẩn 7,1% GDP cũng cho thấy mức độ thâm hụt giữa các quốc gia có sự cách biệt rất lớn.

Biến số lạm phát cho thấy các quốc gia Đông Nam Á trong bài nghiên cứu có tỉ lệ lạm phát trung bình 4,1% GDP. Giá trị cao nhất của lạm phát là 24,9% GDP. Độ lệch chuẩn 4,3% GDP cũng nói lên việc chênh lệch giá giữa các quốc gia trong khu vực còn lớn.

Biến số đầu tư nước ngoài cho thấy các quốc gia Đông Nam Á trong bài nghiên cứu có lượng đầu tư nước ngoài trên GDP trung bình là 5% GDP, có một số quốc gia nhận được đầu tư nước ngoài rất lớn và lớn nhất là 26,5% GDP và trung bình là 5,5% GDP.

Biến số tín dụng nội địa khu vực tư cho thấy lượng tín dụng nội địa cao nhất 154,4% GDP, nhỏ nhất là 5,9% GDP với mức trung bình đạt tới 65,7% GDP,

Bảng 3: Ma trận hệ số tương quan

	GDP	BD	INF	INV
BD	-0,279453			
INF	0,237326	-0,177665		
INV	0,264628	0,256051	-0,049435	
DC	-0,145341	-0,094214	-0,152220	0,323200

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 4: Kết quả hồi quy các biến trong mô hình

	(1) POLS	(2) FEM	(3) REM	(4) GLS
BD	-0,176***	-0,015	-0,176***	-0,154***
INF	0,099	-0,001	0,099*	0,031
INV	0,267***	0,367***	0,267***	0,317***
DC	-0,024***	-0,050***	-0,024***	-0,023***
C	5,020	6,484	5,020	5,289
Số quan sát	104	104	104	104
Số quốc gia	8	8	8	8
R-squared	0,31	0,46	0,31	
Hausman test (p-value)		0,0001		

Ghi chú: *, **, *** biểu thị cho mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Tính toán của tác giả

độ lệch chuẩn 40,4% GDP. Nhìn vào mức trung bình có thể nói mức tín dụng nội địa khu vực tư ở các nước Đông Nam Á là khá cao.

Bảng 3 cho thấy hệ số các biến độc lập đều nhỏ hơn 0.8 chứng tỏ không có trường hợp đa cộng tuyến xảy ra, và biến số thâm hụt ngân sách, và tín dụng nội địa từ khu vực tư mang dấu âm, ngược chiều với biến tốc độ tăng trưởng kinh tế, còn biến lạm phát và đầu tư nước ngoài mang dấu dương, cùng chiều với biến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để xem xét ảnh hưởng của thâm hụt ngân sách lên tốc độ tăng trưởng GDP ở các quốc gia đã nêu ở phần dữ liệu. Đầu tiên sử dụng mô hình bình phương tối thiểu dạng gộp (Pooled Least Square Model - POLS), mô hình tác động cố định (Fixed Effects Model – FEM), mô

hình tác động ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM). Sau đó sử dụng Kiểm định Hausman để xem xét yếu tố ngẫu nhiên có ảnh hưởng đến các biến phụ thuộc của mô hình hay không, với kết quả p-value nhận được ở Bảng 4, cho thấy mô hình FEM phù hợp hơn REM để ước lượng hệ số hồi quy.

Bên cạnh đó, Moulton (1986) và Moulton (1990) cho rằng khi sử dụng dữ liệu bảng để phân tích giữa các quốc gia có thể gặp phải sự hiện diện của hiệu ứng nhóm dẫn tới vấn đề sai số trong các kết luận thống kê. Mà ước lượng GLS có thể xử lý hiện tượng tự tương quan của các quan sát trong phạm vi quốc gia và phương sai thay đổi giữa các quốc gia. Kết quả của GLS lại cho ra biến thâm hụt ngân sách và tín dụng nội địa khu vực vẫn mang dấu âm, đầu tư nước ngoài và lạm phát vẫn mang dấu dương, dấu của 4 biến này đều

tương đồng với dấu mô hình hệ số tương quan (Bảng 3), và phù hợp với kì vọng dấu, so với REM kết quả cũng không thay đổi. Cho nên ước lượng GLS là vững nhất và tin tưởng nhất.

4. Kết quả thực nghiệm

Theo đó, kết quả của cột (1), (3) và (4) cho thấy mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc không đổi. Trong khi biến thâm hụt ngân sách, tín dụng nội địa khu vực tư ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thì biến lạm phát, đầu tư nước ngoài lại ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả của cột (2) phần lớn đều giống kết quả cột (1), (3) và (4), tuy nhiên ở biến lạm phát thì ngược lại, nó ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Các kết quả ước lượng đều cho ra kết quả như nhau rằng biến thâm hụt ngân sách, đầu tư nước ngoài, tín dụng nội địa khu vực tư có ý nghĩa thống kê còn biến lạm phát thì không.

Như phần phương pháp nghiên cứu đã nêu, để xử lý được hiện tượng tự tương quan của các quan sát trong phạm vi quốc gia và phương sai thay đổi giữa các quốc gia và kiểm tra tính vững của mô hình, chúng tôi ước lượng lại hệ số hồi quy các biến bằng phương pháp GLS và kết quả thể hiện ở cột (4). Kết quả cho thấy dấu của các biến giải thích tương đồng với ma trận hệ số tương quan. Ngoài ra, dấu và ý nghĩa thống kê sự tác động của các biến trong kết quả ước lượng GLS không thay đổi so với các phương pháp trước đó (trừ biến INF trong mô hình FEM).

Qua đó, kết quả thực nghiệm cho ra một số kết quả đáng chú ý:

Thứ nhất, thâm hụt ngân sách có mối quan hệ ngược chiều với tốc độ tăng trưởng kinh tế, có ý nghĩa

thống kê với mức ý nghĩa 1%. Kết quả này giống với bài nghiên cứu của Fatima et.al (2012). Điều này cũng hợp lý với thực trạng ở các nước khu vực Đông Nam Á, khu vực này hoạt động kinh tế khá sôi nổi nên việc chi tiền ra để thực hiện nhiều dự án là việc luôn xảy ra. Tuy nhiên, nhiều trường hợp lại không sử dụng hiệu quả làm cho lượng tiền chi ra lớn hơn lượng tiền thu vào, lúc này sẽ làm giảm đầu tư, dễ gây ra lạm phát cao không thể kiểm soát được và đồng tiền ngày càng mất giá. Trong khi bản thân đồng tiền ở khu vực Đông Nam Á phần lớn là đồng tiền nhỏ do đó khi đồng tiền bị mất giá thì việc thanh toán các khoản nợ trước kia sẽ trở nên nặng nề hơn. Khi đó, đầu tư bị giảm mà nợ thì cứ phải kéo dài thời gian thanh toán, cho nên việc tăng thâm hụt ngân sách nhất định sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, lạm phát có mối quan hệ cùng chiều với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhưng không có ý nghĩa thống kê. Kết quả này tương đối phù hợp với bài nghiên cứu của Ramzan & cộng sự (2013). Điều này cho thấy các quốc gia này đã kiểm soát tốt lạm phát và biết cách sử dụng công cụ này để nhằm mục tiêu thúc đẩy xuất khẩu và làm gia tăng giá trị cho nền kinh tế.

Thứ ba, đầu tư nước ngoài có mối quan hệ cùng chiều với tốc độ tăng trưởng kinh tế và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%. Kết quả này phù hợp với kết quả từ nghiên cứu của Ahmad (2013). Khu vực Đông Nam Á là khu vực kinh tế sôi nổi, vị trí địa lý tốt và khá thuận lợi, tình hình chính trị tương đối ổn định cùng với việc thực thi các chính sách ưu đãi nhằm thu hút được dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Và qua đó, giúp các quốc gia bổ sung vốn đầu tư cần thiết và góp phần thúc đẩy tăng trưởng.

Thứ tư, tín dụng nội địa khu vực tư có mối quan hệ ngược chiều với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Ramzan & cộng sự (2013). Đa số các nước Đông Nam Á có hạn mức tín nhiệm tương đối thấp, do đó các quốc gia đi vay phải chịu lãi suất cao hơn mức trung bình thế giới. Bên cạnh đó, khoản vay này nếu sử dụng kém hiệu quả và không đúng mục đích thì dễ dẫn đến các hệ lụy. Một trong số đó chính là áp lực trả lãi cao rất dễ dẫn đến tình trạng nợ quá mức. Khi các khoản nợ công tăng cao và chi phí trả lãi lớn sẽ gây cản trở tăng trưởng kinh tế.

5. Kết luận và gợi ý về chính sách

Bài nghiên cứu này tìm hiểu tác động của thâm hụt ngân sách lên tăng trưởng kinh tế ở một số nước Đông Nam Á trong giai đoạn 2001-2013. Nghiên cứu sử dụng phương pháp ước lượng đối với dữ liệu bảng (POLS, FEM, REM) và sử dụng phương pháp ước lượng bình phương tối thiểu tổng quát GLS kiểm tra tính vững của mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy thâm hụt ngân sách và tín dụng nội địa khu vực có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế trong phạm vi nghiên cứu đã nêu trên và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa là 1%, đầu tư nước ngoài có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong phạm vi nghiên cứu đã nêu trên và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%. Trong khi đó lạm phát không có ý nghĩa thống kê. Từ đó, chúng tôi đề xuất các giải pháp sau:

Thứ nhất, cắt giảm triệt để chi

tiêu công để giảm thâm hụt ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, việc cắt giảm chi tiêu công phải cân nhắc kỹ càng và có quy trình. Bên cạnh đó, thiết nghĩ các quốc gia Đông Nam Á cũng nên tiết kiệm tránh lãng phí trong việc mua sắm và đầu tư công. Hiện nay, tình trạng số lượng công chức làm việc khu vực công tại các quốc gia này là quá lớn. Vì vậy, việc tinh giản biên chế sẽ góp phần củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ và giúp giảm được khoản chi thường xuyên. Hơn nữa, khu vực công cũng nên xem xét đến việc san sẻ một số các dự án cho khu vực tư, vừa giúp giảm áp lực thâm hụt vừa giúp cải thiện hiệu quả đầu tư cho quốc gia. Ngoài ra, tập trung vào các khoản thu từ thuế để tăng nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Tăng cường thanh tra kiểm tra thuế, chống thất thu thuế nhằm giảm thiểu tình trạng giảm thu ngân sách nhà nước. Từ đó, góp phần giảm áp lực thâm hụt ngân sách.

Thứ hai, các quốc gia nên tập trung vào thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng cách đưa ra các chính sách ưu đãi hợp lý về thuế (ưu đãi thuế, thời gian miễn giảm thuế, ưu đãi tín dụng,...), cải thiện tình trạng cơ sở hạ tầng như xây dựng các khu chế xuất, khu công nghệ cao... và thực hiện chính sách đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trình độ chuyên môn tốt, đạo đức nghề nghiệp cao, tinh thần làm việc,... cũng là một trong các biện pháp có thể giúp thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

(Xem tiếp trang 49)